

BIỂU GIÁ ĐẤT CỤ THỂ

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
(Phạm vi xã Đình Lập)

(Kèm theo Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi	Theo Mảnh trích đo ĐC			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
		Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13
	TỔNG CỘNG								4.413,7	
1	Hộ ông Vi Xuân Cường	Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							70,7	
1	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	93	VT1, Nhóm I	54	93	BHK	Thôn 3, xã Đình Lập	70,7	54.000
2	Hộ bà Vi Thị Hậu	Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							25,2	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	01-2024	94	VT1, Nhóm I	54	94	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	18,6	62.000
2	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	22	VT1, Nhóm I	53	22	CLN		6,6	54.000
3	Hộ ông Nguyễn Công Lực, vợ Sầm Thị Minh	Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							14,8	
1	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	114	VT1, Nhóm I	54	114	CLN	Thôn 3, xã Đình Lập	14,80	54.000
4	Hộ ông Hoàng Văn Dũng, vợ Lục Thị Khoà	Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							33,7	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	01-2024	95	VT1, Nhóm I	54	95	BHK	Thôn 3, xã Đình Lập	33,70	62.000
5	Hộ ông Lý Yến Sang, vợ Đặng Thị Nâng	Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							8,6	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	01-2024	37	VT1, Nhóm I	53	37	BHK	Khu 3, xã Đình Lập	8,6	62.000
6	Hộ ông Bế Thành Công, vợ Nguyễn Thị Lùng	Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							41,9	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi		Theo Mảnh trích đo ĐC ²			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
			Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	12	13
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	35	VT1, Nhóm I	53	35	BHK	Thôn 3, xã Đình Lập	15,0	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	40	VT1, Nhóm I	53	40	BHK		26,9	62.000
7	Hộ bà Phương Thị Hợi		Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							6,9	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	38	VT1, Nhóm I	53	38	BHK	Thôn 3, xã Đình Lập	6,9	62.000
8	Hộ ông Vương Thượng Hải		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							43,5	
	1	Đất ở tại đô thị	01-2025	66	VT2, Nhóm I, Quốc lộ 31 (TT Đình Lập- Bản Chắt)- (Nhà Thuộc) đoạn 2 (Từ Km129+600m đến Ngã tư giao với đường tránh khu 2)	27d	118	ODT	Thôn 2, xã Đình Lập	16,5	2.880.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	01-2025	62	VT1, Nhóm I	54	62	DGT	Thôn 2, xã Đình Lập	27,0	54.000
9	Hộ bà Vy Thị Hoa		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							72,6	
	1	Đất ở tại đô thị	01-2025	61	VT2, Quốc lộ 31 (TT Đình Lập- Bản Chắt)-(Nhà Thuộc) đoạn 2 (Từ Km129+600m đến Ngã tư giao với đường tránh khu 2)	54	61	ODT	Thôn 2, xã Đình Lập	11,9	2.880.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	01-2025	62	VT1, Nhóm I	54	62	DGT	Thôn 2, xã Đình Lập	60,7	54.000
10	Hộ ông Trần Ngọc Túc		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							108,2	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi		Theo Mảnh trích đo ĐC ³			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
			Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	12	13
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2025	27	VT1, Nhóm I	27d	115	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	59,6	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	10	VT1, Nhóm I	27d	74	BHK		48,6	62.000
11	Hộ bà Hoàng Thị Then		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							96,9	
	1	Đất trồng cây lâu năm	01-2025	29	VT1, Nhóm I	53	29	CLN	Thôn 2, xã Đình Lập	38,2	54.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	01-2025	28	VT1, Nhóm I	53	28	CLN		16,8	54.000
	4	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	38	VT1, Nhóm I	54	38	ONT		41,9	62.000
12	Hộ ông Trương Công Luật, vợ Lưu Thị Oanh		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							110,6	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	17	VT1, Nhóm I	53	17	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	46,2	62.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	01-2025	28	VT1, Nhóm I	53	28	CLN		64,4	54.000
13	Hộ bà Nông Thị Liên		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							136,9	
	1	Đất trồng cây lâu năm	1035/TLMTĐ	17	VT1, Nhóm I	54	17	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	136,9	54.000
14	Hộ bà Trần Thị Hiền		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							65,3	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	17	VT1, Nhóm I	53	17	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	65,3	62.000
15	Hộ bà Trần Thị Trường		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							58,9	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi		Theo Mảnh trích đo ĐC ⁴			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
			Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	12	13
	1	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	21	VT1, Nhóm I	53	21	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	56,4	54.000
		Diện tích đất còn lại gia đình đề nghị thu hồi hết:									
	2	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	21	VT1, Nhóm I	53	21	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	2,5	54.000
16	Hộ bà Nông Thị Hường		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							12,0	
	1	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	22	VT1, Nhóm I	53	22	CLN	Thôn 2, xã Đình Lập	12,0	54.000
17	Hộ ông Lộc Xuân Bình, vợ Phan Thị Tàn		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							48,1	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	147	VT1, Nhóm I	48	147	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	48,1	62.000
18	Hộ bà Hoàng Thị Kiên		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							58,6	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	114	VT1, Nhóm I	48	114	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	58,6	62.000
19	Hộ bà Nông Thị Thực		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							5,5	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	96	VT1, Nhóm I	48	96	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	5,5	62.000
20	Hộ bà Vi Thị Huệ		Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							93,1	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	96	VT1, Nhóm I	48	96	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	93,1	62.000
21	Hộ bà Hoàng Thúy Sinh		Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							178,4	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	107	VT1, Nhóm I	48	107	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	134,2	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	200	VT1, Nhóm I	46	200	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	44,2	62.000
22	Hộ bà Hoàng Thị Đặng		Thôn 1, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							115,6	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	87	VT1, Nhóm I	47	87	CLN	Thôn 1, xã Đình Lập	115,6	62.000
23	Hộ bà Hoàng Tuyết Minh		Thôn 1, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							56,5	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi	Theo Mảnh trích đo ĐC ⁵			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá	
		Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	
	1	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	98	VT1, Nhóm I	47	98	BHK	Thôn 1, xã Đình Lập	56,5	54.000
24	Hộ ông Phạm Đức Hùng, vợ Nguyễn Thị Tính		Thôn 1, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							138,0	
	1	Đất trồng cây lâu năm	01-2024	127	VT1, Nhóm I	47	127	CLN	Thôn 1, xã Đình Lập	138,0	54.000
25	Hộ ông Nguyễn Văn Lập		Thôn 1, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							73,8	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	1038/TLMTĐ	35	VT1, Nhóm I	27c	35	M	Thôn 1, xã Đình Lập	50,6	62.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	1040/TLMTĐ	155	VT1, Nhóm I	47	155	BHK	Thôn 1, xã Đình Lập	11,4	54.000
	3	Đất trồng cây lâu năm	1039/TLMTĐ	155	VT1, Nhóm I	47	155	BHK		11,8	54.000
26	Hộ ông Lý Quốc Hưng		Thôn 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							37,0	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	1034/TLMTĐ	25	VT1, Nhóm I	53	25	CLN		33,4	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	1032/TLMTĐ	17	VT1, Nhóm I	53	17	BHK		3,6	62.000
27	Hộ bà Hoàng Thị Hoàn		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							35,8	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	3	VT1, Nhóm I	52	3	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	35,8	62.000
28	Hộ ông Chu Văn May, vợ Hầu Thị Thu Hoài		Thôn Hòa An, xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn							10,4	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	60	VT1, Nhóm I	52	60	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	10,4	62.000
29	Hộ ông Đặng Đăng Bằng, vợ Vi Thị Nghiêm		Thôn 8, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							36,9	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	63	VT1, Nhóm I	52	63	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	36,9	62.000
30	Hộ ông Lô Văn Thành, vợ Nông Thị Hoàng		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							41,2	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi		Theo Mảnh trích đo ĐC ⁶			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
			Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	12	13
	1	Đất trồng cây lâu năm	02-2024	62	VT1, Nhóm I	52	62	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	41,2	54.000
31	Hộ ông Nguyễn Văn Tuyên		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							76,0	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	68	VT1, Nhóm I	52	68	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	14,5	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	67	VT1, Nhóm I	52	67	BHK		41,6	62.000
	3	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	64	VT1, Nhóm I	52	64	BHK		19,9	62.000
32	Hộ ông Hoàng Văn Vệ, vợ Hoàng Thị Phương		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							20,5	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	177	VT1, Nhóm I	46	177	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	20,5	62.000
33	Hộ ông Triệu Minh Bình		Thôn 8, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							9,8	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	182	VT1, Nhóm I	46	182	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	9,8	62.000
34	Hộ bà Trần Thị Sinh		Thôn 8, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							103,8	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	170	VT1, Nhóm I	46	170	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	85,2	62.000
	Diện tích đất còn lại gia đình đề nghị thu hồi hết:										
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	170	VT1, Nhóm I	46	170	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	18,6	62.000
35	Hộ bà Đào Thị Tuyên		Thôn 8, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							51,6	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	194	VT1, Nhóm I	46	194	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	20,8	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	194	VT1, Nhóm I	46	194	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	30,8	62.000
36	Hộ ông Triệu Tiến Quang		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							52,4	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	197	VT1, Nhóm I	46	197	BHK		20,3	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	4	VT1, Nhóm I	52	4	BHK		12,9	62.000

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi		Theo Mảnh trích đo ĐC			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
			Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	12	13
	3	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	198	VT1, Nhóm I	46	198	DGT	Thôn 5, xã Đình Lập	19,2	62.000
37	Hộ ông Lý Quang Vĩnh		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							154,7	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	4	VT1, Nhóm I	52	4	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	138,1	62.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	02-2024	26	VT1, Nhóm I	52	26	CLN	Thôn 4, xã Đình Lập	16,6	54.000
38	Hộ bà Hoàng Thị Chức, chồng Nguyễn Văn Thanh		Thôn 8, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							19,8	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	4	VT1, Nhóm I	46	4	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	19,8	62.000
39	Hộ bà Chu Thị Phiền		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							83,7	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	21	VT1, Nhóm I	52	21	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	83,7	62.000
40	Hộ ông Đặng Thế Nam		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							50,1	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	55	VT1, Nhóm I	52	55	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	50,1	62.000
41	Hộ bà Nguyễn Thị Nở		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							52,8	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	43	VT1, Nhóm I	52	43	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	52,8	62.000
42	Hộ ông Hà Văn Thắng, vợ Nông Thị Tụ		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							112,6	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi	Theo Mảnh trích đo ĐC ⁸			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá	
		Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	48	VT1, Nhóm I	52	48	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	112,6	62.000
43	Ông Bé Văn Lưu (Đại diện cho bà Lý Thị Du và bà Bé Hương Lan đồng quyền sử dụng đất)		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							40,4	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	44	VT1, Nhóm I	52	44	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	39,3	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	44	VT1, Nhóm I	52	44	BHK		1,1	62.000
44	Hộ ông Hoàng Mạnh Tiền, vợ Tô Ngọc Vân		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							54,1	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	59	VT1, Nhóm I	52	59	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	38,8	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	51	VT1, Nhóm I	52	51	BHK		10,5	62.000
	3	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	51	VT1, Nhóm I	52	51	BHK		4,8	62.000
45	Hộ bà Bé Thị Sinh		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							163,6	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	59	VT1, Nhóm I	52	59	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	95,3	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	59	VT1, Nhóm I	52	59	BHK		17,3	62.000
	3	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	25	VT1, Nhóm I	51	25	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	43,4	62.000
	4	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	25	VT1, Nhóm I	51	25	BHK		7,6	62.000
46	Hộ ông Sầm Văn Vượng, vợ Hoàng Thị Vượng		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							232,0	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	12	VT1, Nhóm I	51	12	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	30,9	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	12	VT1, Nhóm I	51	12	BHK		61,1	62.000
	3	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	69	VT1, Nhóm I	45	69	BHK		88,8	62.000
	4	Đất trồng cây lâu năm	02-2025	90	VT1, Nhóm I	45	90	CLN	Thôn 4, xã Đình Lập	51,2	54.000
47	Hộ ông Sầm Văn Trường		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							83,3	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	1044/TLMTĐ	63	VT1, Nhóm I	26d	63	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	79,4	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	1043/TLMTĐ	42	VT1, Nhóm I	26d	42	BHK		3,9	62.000
48	Hộ ông Sầm Đức Toàn		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							43,0	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi	Theo Mảnh trích đo ĐC			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá	
		Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	28	VT1, Nhóm I	51	28	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	43,0	62.000
49	Hộ bà Nông Thị Bằng (con trai Sầm Duy Khánh)		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							75,8	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	1048/TLMTĐ	40	VT1, Nhóm I	26c	40	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	75,8	62.000
50	Hộ ông Sầm Văn Sang		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							55,4	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	1049/TLMTĐ	41	VT1, Nhóm I	51	3	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	55,4	62.000
51	Hộ ông Sầm Văn Biên		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							141,7	
	1	Đất trồng cây lâu năm	02-2025	81	VT1, Nhóm I	45	81	CLN	Thôn 4, xã Đình Lập	26,0	54.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	1046/TLMTĐ	39	VT1, Nhóm I	26d	39	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	107,5	62.000
	3	Đất trồng cây hằng năm khác	1045/TLMTĐ	21	VT1, Nhóm I	26d	21	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	4,6	62.000
	4	Đất trồng cây hằng năm khác	1047/TLMTĐ	39	VT1, Nhóm I	26d	39	BHK	Thôn 5, xã Đình Lập	3,6	62.000
52	Hộ bà Mã Thị Án, chồng Vương Văn Kiêm		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							76,1	
	1	Đất trồng cây lâu năm	02-2024	61	VT1, Nhóm I	45	61	CLN	Thôn 4, xã Đình Lập	52,8	54.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	02-2024	64	VT1, Nhóm I	45	64	DCS	Thôn 5, xã Đình Lập	5,8	54.000
	3	Đất trồng cây lâu năm	02-2025	64	VT1, Nhóm I	45	64	DCS		17,5	54.000
53	Hộ ông Chu Văn Lý, vợ Lê Thị Gái		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							262,0	

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi		Theo Mảnh trích đo ĐC ¹⁰			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
			Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2		3	4	5	6	7	8	9	12	13
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	72	VT1, Nhóm I	45	72	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	262,0	62.000
54	Hộ ông Chu Văn Quân		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							71,9	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	84	VT1, Nhóm I	45	84	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	71,9	62.000
55	Hộ ông Sầm Anh Dũng		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							40,4	
	1	Đất trồng cây lâu năm	02-2025	75	VT1, Nhóm I	45	75	CLN	Thôn 4, xã Đình Lập	33,0	54.000
	2	Đất trồng cây lâu năm	02-2025	73	VT1, Nhóm I	45	73	CLN		7,4	54.000
56	Hộ ông Lý Văn Quảng		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							28,5	
	1	Đất trồng cây lâu năm	02-2025	76	VT1, Nhóm I	45	76	CLN	Thôn 4, xã Đình Lập	5,3	54.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	77	VT1, Nhóm I	51	77	BHK		23,2	62.000
57	Hộ ông Sầm Văn Chiến, vợ Nông Thị Bấy		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							15,7	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	46	VT1, Nhóm I	51	46	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	15,7	62.000
58	Hộ ông Hoàng Văn Hiệp, vợ Bế Thủy Tờ		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							81,7	
	1	Đất trồng cây lâu năm	02-2025	14	VT1, Nhóm I	51	14	CLN	Thôn 4, xã Đình Lập	81,7	54.000
59	Hộ ông Mai Tuyết Cần, vợ Vi Thị Hà		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							49,5	
	4	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	66	VT1, Nhóm I	26d	110	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	49,5	62.000
60	Hộ ông Hoàng Văn Sang, vợ Nông Thúy Hồng		Thôn 5, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							105,2	
	1	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	21	VT1, Nhóm I	51	21	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	39,7	62.000
	2	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	24	VT1, Nhóm I	51	24	BHK		36,6	62.000
	3	Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	18	VT1, Nhóm I	51	18	BHK		28,9	62.000

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi	Theo Mảnh trích đo ĐC ¹¹			Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Đơn giá
		Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Số tờ	Số thửa	Loại đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12	13
61	Hộ ông Sầm Văn Việt, vợ Nông Thị Vui	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							52,8	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	18	VT1, Nhóm I	51	18	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	52,8	62.000
62	Hộ ông Hoàng Văn Dương, vợ Sầm Thị Yêu	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							19,2	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	41	VT1, Nhóm I	51	41	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	19,2	62.000
63	Hộ bà Đặng Thị Nhận	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							17,7	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	43	VT1, Nhóm I	51	43	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	17,7	62.000
64	Hộ ông Đoàn Tuấn Anh (Mẹ Hoàng Thị Ngọc)	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							27,6	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác	02-2025	48	VT1, Nhóm I	51	48	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	27,6	62.000
65	Hộ ông Bé Văn Sự	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							10,2	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	66	VT1, Nhóm I	51	66	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	10,2	62.000
66	Hộ ông Vương Văn Lợi, vợ Bé Thị Kim Tuyền	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn							42,5	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác	02-2024	83	VT1, Nhóm I	51	83	BHK	Thôn 4, xã Đình Lập	42,5	62.000